TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 8 – 2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh K.

Bị đơn: Đặng Phú K, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Ngọc G là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị G và anh K qua thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/4/2016.

Trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chung sống không còn hòa hợp. Anh K không chú tâm làm ăn, chơi game, không quan tâm đến gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Ngọc G yêu cầu ly hôn với anh Đặng Phú K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Thị Khánh Thiện, sinh ngày 08/6/2016, hiện con chung đang sống với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Đặng Phú K đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc G nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Ngọc G (Bản photo chứng thực).

- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trần Ngọc Thương (Bản photo chứng thực).

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn Trần Thị Ngọc G – Đặng Phú K (Bản chính).

- 01 Trích lục khai sinh tên Đặng Thị Khánh Thiện (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Ngọc G có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Phú K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Đặng Phú K là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Phú K là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc G. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đặng Phú K là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh K sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/4/2016, do đó hôn nhân giữa chị G và anh K là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị G và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị G và anh K không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Đặng Phú K tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh K vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị G. Xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, nên chị G yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị G và anh K là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Thị Khánh Thiện, sinh ngày 08/6/2016. Hiện nay con chung đang sống với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi con chung. Do anh K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Bên cạnh đó, xét từ khi chị G, anh K sống xa nhau đến nay, chị G là người trực tiếp nuôi con chung; Anh K không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Thiện cần tiếp tục giao cháu Thiện cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị G trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh K không có ý kiến về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị G trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh K không có ý kiến về nợ, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Chị Trần Thị Ngọc G phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc G.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc G được ly hôn với anh Đặng Phú K.

- Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc G được nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Khánh Thiện, sinh ngày 08/6/2016. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Do chị G và anh K không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị G trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ, anh K không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 0009361 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy chị Trần Thị Ngọc G đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Mỹ Thọ, HCL, ĐT;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Minh